BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CTĐT: Sư phạm Toán Tiếng Anh (Sư phạm Toán học) **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**31**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học tập trung học kì 2
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			**2**						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội) *	1		30		GE4306		3
4.2. Học phần thể chất tự chọn			**1**						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		4
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		4
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		4
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		4
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		4
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		4
13	GE4347	Pickleball*							
V. Đại cương chung			**17**						
14	MA4500	Nhập môn ngành sư phạm toán học	1	15					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					2
17	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
18	AI4450	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					3
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		5
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**104**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**10**						
22	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					2
23	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	30					3
24	GE4075	Giáo dục học trung học	2	30			GE4017		4
25	GE4078	Tâm lý học trung học	2	30			GE4045		5
26	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2	30					6
II. Kiến thức cơ sở ngành			**33**						
27	MA4316E	Tiếng Anh chuyên ngành toán	2	30					1
28	MA4146E	Toán cơ sở	2	30					1
29	MA4147	Đại số tuyến tính 1	3	45					1
30	MA4311	Giải tích cổ điển 1	3	45					1
31	MA4003E	Đại số tuyến tính 2	2	30			MA4147		2
32	MA4312E	Giải tích cổ điển 2	3	45			MA4311		2
33	MA4313E	Hình học afin và Ơclit	3	45			MA4147		3
34	MA4038E	Đại số đại cương	3	45			MA4146E		4
35	MA4116	Phương pháp dạy học đại cương môn toán	3	45					4
36	MA4315	Cơ sở giải tích hiện đại	3	45			MA4312E		4
37	MA4102E	Đại số sơ cấp	3	45					3
38	MA4153E	Hình học sơ cấp	3	45					6
III. Kiến thức chuyên ngành			**40**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**32**						
39	MA4009	Hình học xạ ảnh	3	45			MA4313E		4
40	MA4120E	Phương trình vi phân	2	30			MA4312E		4
41	MA4014E	Xác suất Thống kê	3	45			MA4312E		5
42	MA4150	Số học và lý thuyết số	3	45			MA4038E		5
43	MA4040N	Phương pháp NCKH giáo dục Toán học	3	45					6
44	MA4191N	Ứng dụng CNTT trong dạy học toán	3	45			MA4116		5
45	MA4314	Tối ưu tuyến tính	2	30			MA4147		6
46	MA4136	Hình học vi phân	3	45			MA4312E MA4313E		7

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ TC		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
47	MA4501	Phương pháp dạy học đại số và một số yếu tố giải tích	3	45			MA4311 MA4116		6
48	MA4502	Phương pháp dạy học hình học và đo lường	2	30			MA4153E MA4116		7
49	MA4503	Phương pháp dạy học thống kê và xác suất	2	30			MA4014E MA4116		7
50	MA4135E	Giải tích hàm	3	45			MA4315		7
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**8**						
3.2.1 Nhóm 1 (chọn ít nhất 4 tín chỉ)			**4**						
51	MA4321E	Thực hành giảng dạy toán tiếng Anh (1+1)	2	15	30	MA4316E			5
52	MA4119	Phương trình nghiệm nguyên	2	30					1
53	MA4204N	Dạy học môn toán theo tiếp cận phát triển năng lực	2	30		MA4116			5
54	MA4105	Giải tích lồi	2	30			MA4312E		5
55	MA4203	Phương pháp tối ưu trong toán học phổ thông	2	30					5
56	MA4036	Đa thức và nhân tử hóa	2	30			MA4038E		5
57	MA4504	Một số chuyên đề nâng cao về đại số sơ cấp	2	30					5
58	MA4318	Phương pháp tính và thuật toán	2	30			MA4120E		5
3.2.2 Nhóm 2 (chọn ít nhất 4 tín chỉ)			**4**						
59	MA4505	Giáo dục STEM trong dạy học toán	2	30			MA4116		6
60	MA4506	Cơ sở lý thuyết xác suất hiện đại	2	30			MA4315 MA4014E		6
61	MA4317	Lôgic toán nâng cao	2	30			MA4146E		6
62	MA4164	Lý thuyết số nâng cao	2	30			MA4150		6
63	MA4507	Tổ hợp và lý thuyết đồ thị	2	30					6
64	MA4033	Nhập môn giải tích đa trị	2	30					6
65	MA4508	Một số chuyên đề nâng cao về hình học sơ cấp	2	30					6
66	MA4509	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học toán	2	30			MA4116		6
IV. Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm			**15**						
67	MA4401	Rèn luyện NVSPTX1	1		30				3
68	MA4402	Rèn luyện NVSPTX2	1		30		MA4401		4
69	MA4403	Rèn luyện NVSPTX3	1		30				4
70	MA4404	Rèn luyện NVSPTX4	1		30		MA4403 MA4116		5
71	MA4405	Rèn luyện NVSPTX5	1		30		MA4403 MA4116		6
72	MA4406	Rèn luyện NVSPTX6	1		30		MA4403 MA4116		7
73	MA4491N	Kiến tập sư phạm	3		90		MA4404 MA4116		7
74	MA4407	Thực tập tốt nghiệp (thực tập trong nước hoặc ngoài nước)	6		180	MA4491N MA4403 MA4404 MA4405 MA4501 MA4502 MA4503			8
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận			**6**						
5.1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
75	MA4297	Khóa luận tốt nghiệp	6		180				7
5.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**						
76	MA4149N	Cơ sở hình học	2	30					8
77	MA4121	Tư duy và hoạt động của học sinh	2	30		MA4116			8
78	MA4510	Công cụ hiện đại trong giảng dạy, nghiên cứu toán học	2	30					7
79	MA4040	Hàm biến phức	2	30		MA4312E			7
80	MA4319	Thống kê nâng cao	2	30		MA4014E			8
81	MA4155	Giải thuật máy tính cầm tay và ứng dụng vào giải toán phổ thông	2	30					7
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**	2103	972				
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			107						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			14						